

**TCVN**

**TIÊU CHUẨN QUỐC GIA**

**TCVN 1518 : 1974**

**ĐỘNG CƠ XĂNG CỖ NHỎ -  
THÔNG SỐ CƠ BẢN**

**HÀ NỘI - 2008**



## **Lời nói đầu**

TCVN 1518 : 1974 do Viện Thiết kế máy công nghiệp – Bộ Cơ khí và Luyện kim biên soạn, Viện Tiêu chuẩn trình duyệt, Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) ban hành.

Tiêu chuẩn này được chuyển đổi năm 2008 từ Tiêu chuẩn Việt Nam cùng số hiệu thành Tiêu chuẩn Quốc gia theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 1/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.



## **Động cơ xăng cỡ nhỏ - Thông số cơ bản**

**1** Tiêu chuẩn này chỉ qui định những thông số sau đây:

- a) Dãy dung tích làm việc của động cơ ( $V_{\Sigma h}$ ) và /của xy lanh ( $V_h$ );
- b) Số xy lanh ( $i$ );
- c) Tỷ số S/D;
- d) Dây đường kính danh nghĩa của xy lanh ( $D$ );
- e) Số vòng phút của động cơ ( $n$ ).

**2** Tiêu chuẩn này áp dụng cho tất cả động cơ xăng cỡ nhỏ đặt trên các phương tiện vận chuyển hai bánh và ba bánh cũng như trên các máy móc thiết bị khác tĩnh tại hoặc di động trên bộ hoặc trên mặt nước.

Tiêu chuẩn này không áp dụng cho động cơ xăng đặt trên các xe đua, xe thể thao được sản xuất đơn chiếc, các động cơ cỡ nhỏ dùng trong công dụng đặc biệt và động cơ pittông quay tròn.

**CHÚ THÍCH** Động cơ xăng cỡ nhỏ là động cơ có dung tích làm việc của động cơ ( $V_{\Sigma h}$ ) đến 750 cm<sup>3</sup> và dung tích làm việc của xy lanh đến 375 cm<sup>3</sup>.

**3** Dung tích làm việc của động cơ  $V_{\Sigma h}$  (cm<sup>3</sup>) áp dụng cho các phương tiện vận chuyển hai bánh và ba bánh phải theo dãy quy định sau:

50, 125, 150, 175, 200, 250, 350, 500, 750.

**4** Dung tích làm việc của động cơ  $V_{\Sigma h}$  (cm<sup>3</sup>) áp dụng cho các động cơ xăng cỡ nhỏ sử dụng cho các công dụng khác phải theo dãy quy định sau:

25, 30, 35, (40), (45), 50, 63, (75), (85), 90, 100, 125, 150, 175, 200, 250, 350, 375.

## TCVN 1518 : 1974

**5** Dung tích làm việc của xylanh  $V_h$  (cm<sup>3</sup>) áp dụng cho các phương tiện vận chuyển hai bánh và ba bánh phải theo dãy quy định sau:

50, (63), (75), (85), (100), 125, 150, 175, 200, 250, 350, 375.

**6** Dung tích làm việc của xylanh  $V_h$  (cm<sup>3</sup>) áp dụng cho động cơ xăng cỡ nhỏ sử dụng các công dụng khác phải theo dãy quy định sau:

25, 30, 35, (40), (45), 50, 63, 75, (85), 90, 100, 125, 150, 175, 200, 250, 350, 375.

CHÚ THÍCH Sai lệch cho phép về trị số của  $V_{\Sigma h}$  và  $V_h$  ghi trong điều 3 đến điều 6, khi thiết kế so với tiêu chuẩn không được quá  $\pm 5\%$ .

**7** Số xylanh động cơ cỡ nhỏ (l) phải theo dãy sau:

1; 2; (4).

**8** Tỷ số S/D của động cơ xăng cỡ nhỏ không được lớn hơn 1,2. Chỉ nên dùng trị số S/D thấp cho các loại động cơ xăng có dung tích làm việc nhỏ mà số vòng phút cao, và ngược lại.

**9** Đường kính danh nghĩa của xylanh động cơ xăng cỡ nhỏ phải chọn theo dãy sau:

32, 36, 38, 40, 42, 48, (50), 52, 54, 56, 58, (60), 62, (65), 68, (70), 72, 78.

**10** Số vòng phút của động cơ xăng cỡ nhỏ  $n$  (vg/ph) phải chọn theo dãy quy định sau:

1500, (2200), 3000, 3500, 4000, 4500, 5000, 5600, 6000, 6700, 7100, 7500, 8000, 8500, 9000, 9500, 10000, 11200, (12500).

Trị số của  $n$  được chọn làm thông số thiết kế động cơ cũng như trị số định mức  $n$  của sản phẩm đã xuất xưởng chỉ được phép sai lệch với dãy quy định trên không quá  $\pm 5\%$ .

Các trị số ghi trong ngoặc đơn (từ điều 4 đến điều 10) không nên dùng.

---